TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

Ông Lê Bá Quyền.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-7-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25-7-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh T; địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Huy C, sinh năm 1974; địa chỉ: địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh T; địa chỉ tạm trú: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-3-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Huy C tự nguyện lấy nhau từ năm 1997 đến năm 2002 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 03 vào ngày 08-7-2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được hai người con tên Lê Vân A, sinh ngày 27-3-1998 và Lê Huy H, sinh ngày 08-7-2006. Tuy nhiên, thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống; ông C không lo làm ăn, chăm sóc cho gia đình mà luôn tụ tập bạn bè đánh bài. Bà H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông C không nghe. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà H và ông C đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau không ai quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Vân A, sinh ngày 27-3-1998 và Lê Huy H, sinh ngày 08-7-2006; khi ly hôn bà Lê Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Huy Hoàng; con chung Lê Vân A đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

+ Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn;

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Lê Thị H, ông Lê Huy C;

+ Bản sao sổ đăng ký tạm trú của ông Lê Huy C và bà Lê Thị H;

+ Bản sao giấy khai sinh của Lê Huy H, Lê Vân A.

Bị đơn ông Lê Huy C được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Theo biên bản xác minh ngày 17-4-2019 tại Ủy ban nhân dân phường Thái Hòa, thị xã T, tỉnh B xác nhận "Ủy ban phường T không nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp về hôn nhân và con chung giữa bà H và ông C; bà H và ông C cũng không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải khi có mâu thuẫn xảy ra vì vậy không xác định được ông bà có mâu thuẫn như thế nào trong đời sống hôn nhân".

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung: Bà Lê Thị H và ông Lê Huy C tự nguyện tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Bà H và ông C đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 03

vào ngày 08-7-2002. Bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn vì ông Lê Huy C thường xuyên đánh bài; bà H đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Hiện nay, ông C và bà H đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Về con chung có hai con chung tên Lê Vân A, sinh ngày 27-3-1998 và Lê Huy H, sinh ngày 08-7-2006; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lê Huy H; con chung Lê Vân A đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[1] Bà Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Huy C và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Lê Huy C có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Huy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 19-4-2019 và ngày 16-5-2019 nhưng ông C vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ ông Lê Huy C tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 25-7-2019 nhưng ông C vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập ông C tham gia phiên tòa vào ngày 15-8-2019 nhưng ông C vắng mặt không có lý do là ông C đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Huy C là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 03 vào ngày 08-7-2002, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay ông C và bà H không còn chung sống với nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Lê Huy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông C hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình. Xét, mâu thuẫn giữa bà H và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Huy C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà*

hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[4] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Lê Huy C có hai con chung tên Lê Vân Anh, sinh ngày 27-3-1998 và Lê Huy H, sinh ngày 08-7-2006; con chung Lê Vân A đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung Lê Huy H theo nguyện vọng của cháu H muốn được sống chung với mẹ. Bà Lê Thị H tự nguyện yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Hoàng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"* và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Lê Huy C như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Huy C.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Huy H, sinh ngày 08-7-2006 cho bà Lê Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Huy C không phải cấp dưỡng nuôi con; con chung tên Lê Vân A, sinh ngày 27-3-1998 đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

Bà Lê Thị H và ông Lê Huy C đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014840, ngày 14-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Huy C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THA Dân sự thị xã T;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh T;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thành Hiệp